



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Kinh tế và quản lý môi trường*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm         | Tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Phách | Điểm thi | Số tờ | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|----------------|--------|------------|-------|--------|-------|----------|-------|--------|---------|
| 1   | 000001 | 1001070427 | Phạm Hà Thảo   | Anh    | 16/12/2004 | KL10A | 01     |       |          |       |        |         |
| 2   | 000002 | 1001070428 | Trần Thùy      | Anh    | 05/11/2004 | KL10A | 01     |       |          |       |        |         |
| 3   | 000003 | 1001070430 | Nguyễn Thị Như | Bình   | 05/09/2004 | KL10A | 01     |       |          |       |        |         |
| 4   | 000004 | 1001070432 | Kiều Minh      | Diễm   | 17/11/2004 | KL10A | 01     |       |          |       |        |         |
| 5   | 000005 | 1001070435 | Đoàn Bắc Đăng  | Duy    | 26/12/2004 | KL10A | 01     |       |          |       |        |         |
| 6   | 000006 | 1001071146 | Nguyễn Khánh   | Hoàng  | 08/07/2004 | KL10A | 01     |       |          |       |        |         |
| 7   | 000007 | 1001070425 | Nguyễn Thị Vân | Anh    | 07/04/2004 | QL10A | 01     |       |          |       |        |         |
| 8   | 000008 | 1001071401 | Lê Hương       | Cúc    | 20/11/2004 | QL10A | 01     |       |          |       |        |         |
| 9   | 000009 | 1001070433 | Nguyễn Đức     | Đô     | 24/11/2004 | QL10A | 01     |       |          |       |        |         |
| 10  | 000010 | 1001070436 | Nguyễn Thị     | Giang  | 19/02/2004 | QL10A | 01     |       |          |       |        |         |
| 11  | 000011 | 1001070439 | Nguyễn Công    | Hiếu   | 23/08/2004 | QL10A | 01     |       |          |       |        |         |
| 12  | 000012 | 1001070441 | Nguyễn Quốc    | Huy    | 22/08/1997 | QL10A | 01     |       |          |       |        |         |
| 13  | 000013 | 1001071155 | Nguyễn Hải     | Long   | 22/06/2004 | QL10A | 01     |       |          |       |        |         |
| 14  | 000014 | 1001071157 | Bùi Thị Như    | Ngọc   | 03/12/2004 | QL10A | 01     |       |          |       |        |         |
| 15  | 000015 | 1001071161 | Hoàng Thị      | Nhi    | 01/01/2004 | QL10A | 01     |       |          |       |        |         |
| 16  | 000016 | 1001071164 | Đỗ Anh         | Phương | 14/10/2004 | QL10A | 01     |       |          |       |        |         |
| 17  | 000017 | 1001071166 | Đỗ Thị         | Thùy   | 10/05/2003 | QL10A | 01     |       |          |       |        |         |
| 18  | 000018 | 1001071169 | Phạm Thị Thùy  | Trang  | 28/09/2004 | QL10A | 01     |       |          |       |        |         |
| 19  | 000019 | 1001071171 | Vũ Văn         | Trường | 18/12/2004 | QL10A | 01     |       |          |       |        |         |
| 20  | 000020 | 1001071172 | Nguyễn Duy     | Tuấn   | 12/05/2004 | QL10A | 01     |       |          |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2